

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH THÁI B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2025/HS-ST

Ngày 26-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH THÁI B

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải;

2. Bà Nguyễn Thị Đoan.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Vũ Minh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái B

- **Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái B tham gia phiên toà:** Ông Chu Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2025, đối với:

Bị cáo: Đoàn Ngọc Đ, sinh ngày 08/8/1992, tại huyện Q, tỉnh Thái B; Nơi cư trú: Thôn X, xã S, huyện Q, tỉnh Thái B; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đoàn Văn P, sinh năm 1966 và bà: Bùi Thị B, sinh năm 1971; Vợ: Nguyễn Thị Châu L, sinh năm 1992.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/01/2025 đến nay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

- Anh Vũ Đình T, sinh năm 1988

- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Anh Hứa Viết T1, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Lang Duyên, xã S, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo; vắng mặt những người tham gia tố tụng khác)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do thấy nhiều người có nhu cầu vay tiền nên Đoàn Ngọc Đ đã nảy sinh ý định cho người khác vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Từ ngày 20/7/2022 đến tháng 02/2024, Đ đã cho anh Vũ Đình T, anh Nguyễn Văn B và anh Hứa Viết T1 vay tiền, lãi suất từ 180%/năm đến 182,5%/năm, gấp từ 09 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định trong Bộ luật Dân sự. Việc cho vay và trả lãi giữa Đ và anh B, anh T1 được thực hiện thông qua hình thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt; giữa Đ và anh T được thực hiện thông qua hình thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt và chuyển khoản từ tài khoản số 28229999999 của Đ mở tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn (SCB) hoặc tài khoản số 100855272222 của Đ mở tại Thương mại cổ phần công thương Việt Nam (ViettinBank) đến tài khoản số 19028621335017 của anh T. Bằng cách thức trên, Đ cho anh T, anh B, anh T1 vay tiền và sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen, lắp sim thuê bao số 0855272222 đăng nhập số tài khoản ngân hàng để chuyển khoản cho vay và nhận lãi. Cụ thể như sau:

1. Anh Vũ Đình T: Trong khoảng thời gian từ ngày 20/7/2022 đến ngày 03/3/2023, Đ cho anh T vay 05 lần với tổng số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất từ 180%/năm đến 182,5%/năm, gấp 09 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Cụ thể:

- Ngày 20/7/2022, Đ chuyển số tiền 15.000.000 đồng từ tài khoản số 28229999999 của Đ mở tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn (SCB) đến tài khoản số 19028621335017 của anh T mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) cho anh T vay. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 20 ngày, lãi suất 5.000 đồng/01triệu/01ngày, tương đương 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và tính theo số ngày vay thực tế. Ngày 10/8/2022, anh T đã trả cho Đ 20 ngày tiền lãi số tiền 1.500.000 đồng, số tiền Đ thu lợi bất chính 1.335.617 đồng và chưa trả 15.000.000 đồng tiền gốc. Đ tiếp tục cho T vay số tiền gốc trên và thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/01triệu/01ngày, tương đương với mức lãi suất là 180%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, lãi suất tính theo tháng, việc trả lãi được thực hiện vào ngày trùng của tháng tiếp theo. Ngày 15/9/2022, anh T trả Đ 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của 01 tháng 04 ngày là 2.550.000 đồng, Đ đã thu lợi bất chính số tiền 2.270.548 đồng. Số tiền gốc 5.000.000 đồng chưa trả, Đ và anh T thỏa thuận lãi suất 750.000 đồng/tháng, tương đương 180%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, lãi suất tính theo tháng, việc trả lãi được thực hiện vào ngày trùng của tháng tiếp theo. Đến tháng 4/2023, do không còn khả năng thanh toán nên anh T xin ngừng trả tiền gốc và tiền lãi, Đ đồng ý. Anh T đã trả lãi cho Đ 07 tháng, tổng số tiền 5.250.000 đồng, số tiền Đ thu lợi bất chính 4.666.667 đồng. Đến nay anh T chưa trả số tiền 5.000.000 đồng nợ gốc cho Đ.

- Ngày 04/8/2022, Đ chuyển số tiền 30.000.000 đồng từ tài khoản số 28229999999 của Đ mở tại Ngân hàng SCB đến tài khoản số 19028621335017 của anh T mở tại Ngân hàng Techcombank cho anh T vay. Hai bên thỏa thuận lãi suất 4.500.000 đồng/tháng, tương đương 180%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; lãi suất tính theo tháng, việc trả lãi được thực hiện vào ngày trùng của tháng tiếp theo. Đến tháng 4/2023, T không còn khả năng thanh toán nên xin ngừng trả tiền gốc và tiền lãi, Đ đồng ý. Anh T đã trả cho Đ 08 tháng tiền lãi với tổng số tiền 36.000.000 đồng, số tiền Đ thu lợi bất chính 32.000.000 đồng. Đến nay anh T chưa trả 30.000.000 đồng tiền nợ gốc cho Đ.

- Ngày 25/9/2022, Đ chuyển số tiền 10.000.000 đồng từ tài khoản số 28229999999 của Đ mở tại Ngân hàng SCB đến tài khoản số 19028621335017 của anh T mở tại Ngân hàng Techcombank cho anh T vay. Hai bên thỏa thuận lãi suất 1.500.000 đồng/tháng, tương đương 180%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, lãi suất tính theo tháng, việc trả lãi được thực hiện vào ngày trùng của tháng tiếp theo. Đến tháng 4/2023, anh T không còn khả năng thanh toán nên xin ngừng trả tiền gốc và tiền lãi, Đ đồng ý. Anh T đã trả cho Đ 07 tháng tiền lãi với tổng số tiền 10.500.000 đồng, số tiền Đ thu lợi bất chính 9.333.334 đồng. Đến nay anh T chưa trả 10.000.000 đồng tiền nợ gốc cho Đ.

- Ngày 20/11/2022, Đ chuyển số tiền 10.000.000 đồng từ tài khoản số 100855272222 của Đ mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam (ViettinBank) đến tài khoản số 19028621335017 của anh T mở tại Ngân hàng Techcombank cho anh T vay. Hai bên thỏa thuận lãi suất 1.500.000 đồng/tháng, tương đương 180%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, lãi suất tính theo tháng, việc trả lãi được thực hiện vào ngày trùng của tháng tiếp theo. Đến tháng 4/2023, anh T không còn khả năng thanh toán nên xin ngừng trả tiền gốc và tiền lãi, Đ đồng ý. Anh T đã trả cho Đ 05 tháng tiền lãi với tổng số tiền 7.500.000 đồng, số tiền Đ thu lợi bất chính 6.666.667 đồng. Đến nay anh T chưa trả 10.000.000 đồng tiền nợ gốc cho Đ.

- Ngày 03/3/2023, Đ chuyển số tiền 15.000.000 đồng từ tài khoản số 100855272222 của Đ mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam (ViettinBank) đến tài khoản số 19028621335017 của anh T mở tại Ngân hàng Techcombank cho anh T vay. Hai bên thỏa thuận lãi suất 2.250.000 đồng/tháng, tương đương 180%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, lãi suất tính theo tháng, việc trả lãi được thực hiện vào ngày trùng của tháng tiếp theo. Đến tháng 4/2023, anh T không còn khả năng thanh toán nên xin ngừng trả tiền gốc và tiền lãi, Đ đồng ý. Anh T đã trả cho Đ 01 tháng tiền lãi là 2.250.000 đồng, số tiền Đ thu lợi bất chính 2.000.000 đồng. Đến nay, anh T chưa trả 15.000.000 đồng tiền gốc cho Đ.

2. Anh Nguyễn Văn B: Ngày 01/12/2022, Đ đã cho anh B đã vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 750.000 đồng/tháng, tương đương lãi suất 180%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thời gian trả lãi vào ngày trùng của tháng tiếp theo. Đến ngày 30/12/2023, anh B đã trả cho Đ

5.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 12 tháng với số tiền 9.000.000 đồng (việc cho vay và trả nợ trực tiếp bằng tiền mặt), số tiền Đ thu lợi bất chính là 8.000.000 đồng.

3. Anh Hứa Viết T1: Ngày 15/01/2023, Đ đã cho anh T1 đã vay tiền mặt 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, mức lãi suất 750.000 đồng/tháng, tương đương lãi suất 180%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thời gian trả lãi vào ngày trùng của tháng tiếp theo. Đến tháng 02/2024, anh T1 đã trả cho Đ 5.000.000 đồng tiền gốc và 12 tháng tiền lãi với số tiền 9.750.000 đồng (việc vay và trả nợ trực tiếp bằng tiền mặt), Số tiền Đ thu lợi bất chính là 8.666.667 đồng.

Như vậy, xác định tổng số tiền Đ cho 03 người vay là 90.000.000 đồng, tổng số tiền lãi thu được là 84.300.000 đồng, tổng số tiền Đ thu lợi bất chính là 74.939.500 đồng. Số tiền anh T, anh B, anh T1 vay của Đ như đã nêu trên đều sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân, không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp. Đến nay, anh T1, anh B đã trả hết số tiền gốc (anh T1 5.000.000 đồng, anh B 5.000.000 đồng) cho Đ; anh T đã trả 10.000.000 đồng số tiền nợ gốc, còn 70.000.000 đồng số tiền gốc chưa trả cho Đ. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Đ đã trả lại số tiền thu lợi bất chính cho anh T 58.272.833 đồng, anh B 8.000.000 đồng, chưa trả lại số tiền thu lợi bất chính 8.666.667 đồng cho anh T1.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đoàn Ngọc Đ tại Thôn X, xã S, huyện Q, tỉnh Thái B, không phát hiện, thu giữ gì.

Bản cáo trạng số 55/CT-VKSQP ngày 05/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái B truy tố Đoàn Ngọc Đ về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Đ diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đoàn Ngọc Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh đề nghị tuyên bố bị cáo Đoàn Ngọc Đ phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”;

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 35 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo số tiền từ 70.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Tuyên buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 20.000.000 đồng sử dụng để cho vay và số tiền lãi thu theo quy định 9.360.500 đồng để nộp ngân sách Nhà nước; trả cho anh Hứa Viết T1 số tiền thu lợi bất chính là 8.666.667 đồng. Tuyên buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Đình T phải nộp lại số tiền 70.000.000 đồng là tiền bị cáo Đ sử dụng để cho vay hiện anh T đang quản lý để nộp ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Đ diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: rất ân hận về hành vi mình đã thực hiện, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã mô tả. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, hành vi cho vay với mức lãi suất vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%) từ 09 lần đến 9,125 lần của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất ổn định trong các giao dịch dân sự. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản làm việc do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập ngày 17/12/2024 về việc kiểm tra điện thoại của anh Vũ Đình T và bản ảnh kèm theo; Chi tiết giao dịch chuyển tiền cho vay và nhận tiền trả lãi từ tài khoản số 28229999999, chủ tài khoản là Đoàn Ngọc Đ mở tại Ngân hàng SCB đến tài khoản số 19028621335017 của anh Vũ Đình T mở tại Ngân hàng Techcombank từ ngày 01/01/2022 đến ngày 05/12/2024; Sao kê chi tiết giao dịch chuyển tiền cho vay và nhận tiền trả lãi từ tài khoản số 100855272222 của Đoàn Ngọc Đ mở tại Ngân hàng ViettinBank đến tài khoản số 19028621335017 của anh Vũ Đình T mở tại Ngân hàng Techcombank từ ngày 01/01/2022 đến ngày 15/12/2024; Công văn số 97/2025/TBH-TCB ngày 24/02/2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Thái B và thông tin đối ứng của số tài khoản số 19028621335017 của anh Vũ Đình T; Đơn xác nhận ngày 05/5/2025 tại Ủy ban nhân dân xã S về việc Đoàn Ngọc Đ đã trả lại số tiền thu lợi bất chính anh Vũ Đình T và anh Nguyễn Văn B cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2024, tại nhà của Đoàn Ngọc Đ, ở Thôn X, xã S, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Đ đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với

anh Vũ Đình T số tiền là 80.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn B số tiền là 5.000.000 đồng và anh Hứa Viết T1 số tiền 5.000.000 đồng. Lãi suất từ 180% đến 182,5%/năm, gấp từ 09 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền Đ cho vay là 90.000.000 đồng, số tiền lãi Đ đã nhận lãi 84.300.000 đồng. trong đó: lãi thu theo quy định của Bộ luật dân sự 9.360.500 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính (vượt mức cao nhất Bộ luật Dân sự quy định) là 74.939.500 đồng. Hành vi đó của bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự

Điều 201 Bộ luật Hình sự: Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo, gây mất ổn định trong các giao dịch dân sự, làm ảnh hưởng xấu đến khả năng thanh toán nợ của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải lên một mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của tội phạm bị cáo thực hiện thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T và anh T1 số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ, có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội

phạm nói chung và có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng. Mức hình phạt áp dụng với bị cáo như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về số tiền 74.939.500 đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện trả lại cho những người có quyền nghĩa vụ liên quan là anh T 58.272.833 đồng và anh B 8.000.000 đồng, số tiền thu lời của anh T1 8.666.667 đồng chưa trả nên bị cáo phải trả lại anh T1 số tiền này.

[7] Vật chứng vụ án và biện pháp tư pháp: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen, lắp sim thuê bao số 0855272222 Đ sử dụng làm phương tiện để thực hiện tội phạm. Tháng 04/2024 Đ đã làm rơi mất, không xác định được địa điểm rơi, không có căn cứ để truy tìm đối với chiếc điện thoại trên nên không có căn cứ xử lý.

Đối với số tiền bị cáo Đ đã sử dụng để cho vay mà anh T, anh B, anh T1 đã trả là 20.000.000 đồng và số tiền lãi được thu theo quy định trong Bộ luật Dân sự là 9.360.500 đồng anh T, anh B, anh T1 đã trả cho bị cáo; số tiền anh T vay chưa trả bị cáo 70.000.000 đồng. Các khoản tiền này bị cáo dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên buộc bị cáo Đ và anh T phải nộp lại số tiền này để nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 46. điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đoàn Ngọc Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tuyên buộc bị cáo Đoàn Ngọc Đ phải:

- Trả lại anh Hứa Viết T1 số tiền lãi thu lời bất chính 8.666.667 đồng (*Tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

- Nộp lại 29.360.500 đồng (*Hai mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

3.2. Tuyên buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Đình T phải nộp lại số tiền gốc đã vay chưa trả của bị cáo Đoàn Ngọc Đ 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo Đoàn Ngọc Đ phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Đoàn Ngọc Đ, có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Đình T, anh Nguyễn Văn B và anh Hứa Viết T1 vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND h. Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã S;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên